

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-PT

Ngày: 20 – 9 -2025

V/v: “*Kiện đòi nợ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Hoàn

Ông Bùi Minh Thư

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngụy Tiến Thảo - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “*Kiện đòi nợ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXX-PT ngày 25/8/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T; Sinh ngày 05/5/1957; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh – (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức C; Sinh ngày 10/5/1961; Địa chỉ cư trú: Thôn Thanh Long, xã Đình Bàn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh – (*có mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NNguyễn Thị H; Sinh ngày 03/11/1965; Địa chỉ cư trú: Thôn Thanh Long, xã Đình Bàn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh – (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà Phạm Thị T làm đại lý bán thức ăn chăn nuôi. Từ năm 2016 đến năm 2020, bà Phạm Thị T có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Nguyễn Đức C, mỗi lần bán cho ông Công thì ông Công không trả hết tiền mà thỉnh thoảng có tiền mới trả. Bà Tân đã viết 1 cuốn sổ theo dõi ghi tên ông Công, ghi rõ từng lần ông Công lấy thức ăn chăn nuôi, từng lần trả tiền có ông Công ký tên chốt nợ. Tính đến ngày 24/6/2020, ông Nguyễn Đức C còn nợ bà Tân số tiền 34.540.000 đồng. Bà Tân đã nhiều lần yêu cầu ông Công trả nợ nhưng ông Công chưa trả. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức C phải thanh toán cho bà Tân số tiền nợ gốc 34.540.000 đồng và tiền lãi 19.140.000 đồng. Ngày 19/5/2025, bà Tân rút yêu cầu buộc ông Công phải thanh toán số tiền lãi 19.140.000 đồng, chỉ yêu cầu ông Công thanh toán số tiền gốc còn nợ là 34.540.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức C trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2020 ông Nguyễn Đức C có mua thức ăn chăn nuôi và nợ tiền của bà Phạm Thị T. Ông Công thừa nhận chữ ký tại sổ nợ của bà Tân chốt cuối cùng 34.540.000 đồng là chữ ký của ông Công. Tuy nhiên, khoảng năm 2020 ông Công đã trả hết khoản nợ trên cho bà Tân. Khi ông Công trả nợ cho bà Tân không lập giấy tờ gì. Sau khi ông Công trả nợ thì bà Tân cầm sổ nợ đi luôn và không viết vào phần đã trả nợ. Vì vậy, bị đơn ông Nguyễn Đức C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về việc thanh toán số tiền còn nợ 34.540.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NNguyễn Thị H trình bày:

Bà NNguyễn Thị H là vợ của ông Nguyễn Đức C. Việc mua bán thức ăn chăn nuôi, nợ tiền và trả nợ giữa bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức C thực hiện với nhau, bà NNguyễn Thị H không có liên quan gì. Bà Hương đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực I, tỉnh Hà Tĩnh):

Căn cứ Điều 275, khoản 1 Điều 280, khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, khoản 1, 4 Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; Khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NNguyễn Thị H.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức C phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị T số tiền 34.540.000 đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi 19.140.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định.

Ngày 27/6/2025, bị đơn ông Nguyễn Đức C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Xét đơn kháng cáo của bị đơn: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức C trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

1.2. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách những người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

1.3. Bà Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị T.

[2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức C. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Nguồn gốc khoản nợ: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2020, bà Phạm Thị T có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Nguyễn Đức C. Do ông Công không trả hết tiền mỗi lần mua bán nên hai bên có lập một cuốn sổ ghi nợ đề tên “Đức Công” để ghi lại quá trình ông Công lấy thức ăn và trả tiền, cuối mỗi khoản nợ đều có chữ ký và chữ viết của ông Công. Tại sổ ghi nợ thể hiện: Ngày 24/6/2020 ông Công chót nợ số tiền 34.540.000 đồng có ký tên “Công” vào sổ nợ. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Công đều thừa nhận có nợ tiền bà Tân và chữ ký tại sổ nợ của bà Tân chót cuối cùng 34.540.000 đồng

là chữ ký của ông Công, theo quy định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Về quá trình thanh toán: Ông Công cho rằng đã trả hết số tiền 34.540.000 đồng nợ của bà Tân nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, tại sổ nhận nợ thể hiện mỗi lần ông Công nhận nợ, trả nợ cho bà Tân đều ghi rõ số tiền và ký tên, nay ông Công cho rằng đã trả nợ nhưng lại không ghi vào sổ nợ là không phù hợp. Vì vậy, có căn cứ xác định bị đơn chưa trả số tiền nợ nêu trên cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Công phải trả cho nguyên đơn số tiền 34.540.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi, do nguyên đơn bà Tân đã rút yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi xuất nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Đức C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, xét bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực I, tỉnh Hà Tĩnh).

Căn cứ Điều 275, khoản 1 Điều 280, khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, khoản 1, 4 Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, Điều 148, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Phạm Thị T.
2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức C phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị T số tiền 34.540.000 đồng (*Ba mươi tư triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng*).
3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi 19.140.000 đồng.
4. Án phí.

Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Nguyễn Đức C. Trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005469 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực I, Hà Tĩnh*).

Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn ông Nguyễn Đức C.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND Khu vực I, tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Hoàn

Bùi Minh Thư

Bùi Quang Năng